

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

2. Ông Nguyễn Văn Hải

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyên– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 2/88, ấp Đồng Hòa, xã Long Hòa, huyện Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1987, cư trú tại: Số 242, ấp Tây, xã Long Hưng Tây, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Thành B, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 406, tổ 13, ấp Phú Vinh, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn anh Phạm Văn T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 2009, anh T và chị L tiến tới hôn nhân và có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01, ngày 21/7/2009. Trong thời gian chung sống, giữa anh T và chị L không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, vào khoảng cuối năm 2015, chị L đã bỏ nhà ra đi, khi đi chị L còn dẫn theo người con gái lớn của anh chị. Sau khi một thời gian

dài tìm hiểu, anh T được biết chị L đang chung sống như vợ chồng với người khác tên là Trương Thanh B, tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Sau đó, chị L lại tiếp tục chung sống với một người đàn ông khác và để lại người con gái của anh chị cho anh B nuôi dưỡng. Anh T nhận thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với chị L nữa, mặt khác anh và chị L đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: anh T và chị L chung sống có hai người con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 02/3/2010 và Phạm Thanh Tr, sinh ngày 06/6/2011. Trong thời gian ly thân, cháu Trọng do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H do anh Trương Thanh B nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và cháu Tr, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu anh B giao lại cháu H cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên Báo Công Lý và Đài Tiếng nói Việt Nam thông báo cho chị Huỳnh Thị Mỹ L đến Tòa án nhân dân huyện Cần Đước giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Thanh B, tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2020 do Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thực hiện theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2020/QĐ-UTTA ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, anh B trình bày như sau: Anh B và chị Huỳnh Thị Mỹ L chung sống với nhau như vợ chồng từ 2014, không có tổ chức lễ cưới cũng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Anh B và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị L bỏ đi. Hiện nay, anh B đang nuôi dưỡng cháu Phạm Thị T H là con riêng của chị L và anh Phạm Văn T. Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Anh B yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đối với cháu Phạm Thị Thanh H, tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2020 do Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thực hiện theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2020/QĐ-UTTA ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, cháu H trình bày như sau: Cháu H được cha dượng là Trương Thanh B chăm sóc nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng muốn tiếp tục được anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn T đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Mỹ L, có nơi cư trú tại ấp Tây, xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đước, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đước thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Huỳnh Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, anh Trương Thanh B có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị L, anh B.

[2] Về hôn nhân: anh Phạm Văn T và chị Huỳnh Thị Mỹ L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01, ngày 21/7/2009, nên xác định hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, vào khoảng cuối năm 2015, chị L đã bỏ nhà ra đi, khi đi chị L còn dẫn theo người con gái lớn của anh chị. Sau khi một thời gian dài tìm hiểu, anh T được biết chị L đang chung sống như vợ chồng với người khác tên là Trương Thanh B, tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Sự việc này cũng được anh B xác nhận tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho chị L đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị L vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Trong thời gian qua, giữa anh T và chị L không tìm được phương án hiệu quả nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, chị L đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho đời sống hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu ly hôn với chị L.

[3] Về con chung: anh T và chị L chung sống có hai người con Phạm Thị T H, sinh ngày 02/3/2010 và Phạm Thanh Tr, sinh ngày 06/6/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr nên giao cháu Trọng cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu H, trong thời gian ly thân, cháu H sống với chị L được một thời gian, sau khi chị L bỏ đi, cháu H do anh Trương Thanh B nuôi dưỡng, anh B là người chung sống với như vợ chồng với chị L. Mặc dù, anh B có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cũng như là cháu H có nguyện vọng sống với anh B, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh B và chị L không phải hôn nhân hợp pháp, giữa anh B và cháu H không có quan hệ huyết thống, và thực tế hiện nay, chị L cũng không

còn chung sống với anh B, mặt khác, với độ tuổi của cháu H chưa có nhận định đầy đủ và đúng đắn để có thể bảo đảm quyền lợi cho mình. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có, chị L không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, anh T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T về việc yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Mỹ L.

Về hôn nhân: anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Mỹ L.

Về nuôi dưỡng con chung: Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 02/3/2010 và Phạm T Trọng, sinh ngày 06/6/2011. Chị Huỳnh Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Trương Thanh B giao cháu Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 02/3/2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người khchị trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trchị nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.500.000 đồng, anh T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Về án phí: anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0008254 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đức sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- THADS huyện Cần Đức;
- UBND xã Long Hòa,
- Huyện Cần Giuộc, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân